

Thông tin chung

Tên công ty CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH
Địa chỉ 422 Hồ Văn Huê-Quận Phú Nhuận-TP.Hồ Chí Minh
Báo cáo Báo cáo tài chính
Niên độ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007
Tổng Giám đốc
Kế toán trưởng

Kiểm soát số liệu



Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2007

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
29 Võ thị Sáu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh; Điện thoại: (08) 8 205944; Fax: (08) 8 205942

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo Kiểm toán	4 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	5 - 8
- Kết quả hoạt động kinh doanh	9 - 9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
- Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Công ty

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Điện tử Tân Bình sang công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002463, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 06 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

Nghành nghề kinh doanh là:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Bổ sung: Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

Hình thức sở hữu vốn: Là Công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty vào thời điểm 31/12/2007 là 110.053.450.000 đ.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông NGUYỄN HỒNG KỶ	Chủ tịch
Ông NGÔ VĂN VỊ	Ủy viên
Ông BÙI KIM KHÁNH	Ủy viên
Ông TRẦN QUANG CHIẾN	Ủy viên
Ông VŨ HOÀNG CHUÔNG	Ủy viên

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Ông NGÔ VĂN VỊ	Giám đốc	
Ông VŨ DƯƠNG NGỌC DUY	Phó Giám đốc	
Ông NGHIÊM XUÂN VÂN	Phó Giám đốc	Được bổ nhiệm ngày 01/10/2007

Các thành viên của Ban kiểm soát bao gồm:

Ông HUỖNH CHÍ TOẠI	Trưởng ban	
Bà NGUYỄN MINH THU	Thành viên	Từ nhiệm ngày 20/08/2007
Ông TRẦN MINH SƠN	Thành viên	

Kế toán trưởng	Bà VÕ THỊ THANH HÀ	Được bổ nhiệm ngày 01/06/2007
	Ông ĐÀO TRUNG THANH	Từ nhiệm ngày 01/06/2007

Tình hình kinh doanh của Công ty

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 24.167.303.581 VND (Cùng kỳ kế toán năm 2006 lợi nhuận sau thuế là 21.832.800.313 VND).

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được bổ nhiệm thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán được áp dụng được tuân thủ đầy đủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty CP Điện tử Tân Bình
phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại
thời điểm 31/12/2007 của Công ty.

Tp HCM, ngày thángnăm 2008

Thay mặt Hội đồng quản trị

Tp HCM, ngày thángnăm 2008

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc

NGUYỄN HỒNG KỲ

NGÔ VĂN VỊ

Số :/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2007 kết thúc tại ngày 31/12/2007 của Công ty Cổ phần
Điện tử Tân Bình

Kính gửi: - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
 - BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ TÂN BÌNH

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** được lập ngày 14/01/2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 05 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình** đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại ngày 31/12/2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)
Tổng Giám đốc

TP. HCM, ngày tháng năm 2008

Chủ nhiệm Kiểm toán

ĐỖ KHẮC THANH
CPA số: Đ0064/KTV

PHÙNG VĂN THẮNG
CPA số: 0650/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		278,638,213,023	130,934,647,054
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19,019,064,892	16,831,118,937
1. Tiền	111	03	19,019,064,892	16,831,118,937
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		91,202,999,000	12,745,978,880
1. Đầu tư ngắn hạn	121	04	91,202,999,000	12,745,978,880
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		125,846,492,899	61,493,342,936
1. Phải thu khách hàng	131		93,422,328,888	57,035,223,950
2. Trả trước cho người bán	132		6,951,612,031	3,958,973,725
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	05	26,187,081,682	699,260,469
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(714,529,702)	(200,115,208)
IV. Hàng tồn kho	140		38,813,689,742	30,354,553,790
1. Hàng tồn kho	141	06	38,813,689,742	31,159,291,797
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(804,738,007)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,755,966,490	9,509,652,511
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		302,591,705	309,811,700
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2,210,300,800	1,457,993,175
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	07	-	1,892,429,809
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	09	1,243,073,985	5,849,417,827
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		55,195,800,136	76,558,106,830
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		15,494,550,160	15,494,550,160
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	08	15,494,550,160	15,494,550,160
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		4,969,061,242	5,171,897,183
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	4,670,897,782	4,830,848,913
- Nguyên giá	222		37,315,548,838	36,138,060,991
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(32,644,651,056)	(31,307,212,078)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	298,163,460	14,233,197
- Nguyên giá	228		417,743,527	39,415,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(119,580,067)	(25,181,803)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	-	326,815,073
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND				
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		29,151,600,514	55,151,600,514
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	27,126,600,514	27,126,600,514
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	2,025,000,000	28,025,000,000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		5,580,588,220	740,058,973
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	5,580,588,220	740,058,973
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN			333,834,013,159	207,492,753,884

NGUỒN VỐN

A . NỢ PHẢI TRẢ	300		117,774,103,420	115,515,522,025
I. Nợ ngắn hạn	310		116,526,977,064	101,376,882,922
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	51,257,370,514	63,818,436,255
2. Phải trả người bán	312		58,752,844,104	32,707,855,501
3. Người mua trả tiền trước	313		258,370,777	226,638,306
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	734,549,000	361,176,262
5. Phải trả người lao động	315		1,110,740,444	1,849,744,796
6. Chi phí phải trả	316	18	1,391,548,685	519,361,930
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	3,021,553,540	1,893,669,872
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,247,126,356	14,138,639,103
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	20	-	13,134,871,819
3. Phải trả dài hạn khác	333		341,992,862	54,872,240
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		905,133,494	948,895,044
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B . VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		216,059,909,739	91,977,231,859
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	215,309,572,126	91,274,059,495
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		110,053,450,000	70,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		69,306,398,800	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		35,949,723,326	21,274,059,495
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		750,337,613	703,172,364
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		750,337,613	703,172,364
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	430		333,834,013,159	207,492,753,884

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (USD)		226,980.03	2,567.51
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2007

			<i>Đơn vị tính: VND</i>	
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	517,317,324,701	395,433,441,943
02	2. Các khoản giảm trừ	23	4,993,539,658	899,195,799
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	512,323,785,043	394,534,246,144
11	4. Giá vốn hàng bán	25	453,078,978,818	342,884,073,128
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		59,244,806,225	51,650,173,016
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	14,476,794,037	11,183,850,798
22	7. Chi phí tài chính	27	5,602,973,529	5,069,413,260
23	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		<i>4,707,088,717</i>	<i>3,382,026,652</i>
24	8. Chi phí bán hàng		31,185,740,261	29,522,542,347
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8,765,834,749	8,678,337,116
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		28,167,051,723	19,563,731,091
31	11. Thu nhập khác		4,520,651,253	4,894,638,658
32	12. Chi phí khác		3,004,701,321	2,625,569,436
40	13. Lợi nhuận khác		1,515,949,932	2,269,069,222
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		29,683,001,655	21,832,800,313
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28	5,515,698,074	-
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24,167,303,581	21,832,800,313
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		3,178	3,119

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2007

(Theo phương pháp trực tiếp)

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	405,062,468,576	461,344,416,368
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(175,769,174,603)	(286,730,433,403)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(11,404,369,950)	(9,689,109,136)
4. Tiền chi trả lãi vay	(3,435,090,104)	(3,390,681,687)
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	(3,669,781,247)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	173,136,774,400	13,065,074,081
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(90,400,229,385)	(80,862,802,126)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	293,520,597,687	93,736,464,097
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4,580,637,815)	(235,501,824)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(106,882,388,000)	(22,241,435,480)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	28,385,785,150	28,112,390,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	4,456,835,089	3,868,464,308
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(78,620,405,576)	9,503,917,004
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	101,035,261,165	17,485,545,427
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(313,747,507,321)	(146,156,027,359)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(212,712,246,156)	(128,670,481,932)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	2,187,945,955	(25,430,100,831)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	16,831,118,937	42,261,219,768
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	19,019,064,892	16,831,118,937

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2007

(Theo phương pháp trực tiếp)

		Đơn vị tính: VND	
Chi tiêu		Năm nay	Năm trước
Người lập biểu	Kế toán trưởng	Giám đốc	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Điện tử Tân Bình được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Điện tử Tân Bình sang công ty cổ phần theo Quyết định số 240/2003/QĐ-BCN ngày 30 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002463, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 06 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất và dịch vụ

Nghành nghề kinh doanh là:

Sản xuất, lắp ráp, bảo hành và kinh doanh các sản phẩm điện, điện tử và tin học (không tái chế nhựa, kim loại phế thải, xi mạ điện). Kinh doanh Bất động sản, văn phòng cho thuê. Sản xuất, lắp ráp, bảo trì, mua bán các sản phẩm điện lạnh - điện dân dụng. Bổ sung: Sản xuất hàng điện-điện tử (không rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, gò, hàn, sơn, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở). Mua bán máy giặt, thiết bị điện tử viễn thông-điều khiển, thiết bị phát sóng, linh kiện điện thoại.

Thiết kế hệ thống máy tính (thiết kế, tạo lập trang chủ, internet, thiết kế hệ thống máy tính tích hợp với phần cứng, phần mềm và với các công nghệ truyền thông), (không kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ Internet tại trụ sở). Tích hợp mạng cục bộ (LAN). Tư vấn phần cứng-phần mềm máy tính. Bảo dưỡng, sửa chữa máy tính, máy văn phòng. Mua bán máy tính, phần mềm máy tính đã đóng gói, thiết bị ngoại vi. Sửa chữa, bảo dưỡng máy điều hòa không khí, máy giặt, máy sấy, tủ lạnh, máy hút ẩm, hút khí, khử mùi, máy khâu, đồ điện, hệ thống điện dân dụng, thiết bị chụp ảnh, tivi, loa. Dịch vụ cung cấp thông tin lên mạng Internet, cung cấp dịch vụ ứng dụng Internet (không kinh doanh đại lý dịch vụ Internet tại trụ sở). Mua bán máy in, phụ tùng và vật tư ngành in, máy Photocopy, máy vẽ, thiết bị phục vụ thiết kế, thiết bị phòng thí nghiệm, giường tủ, bàn ghế. Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế (hoặc tỷ giá bình quân liên ngân hàng) tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao áp dụng và các trường hợp khấu hao đặc biệt: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao được ước tính theo quy định tại Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài chính.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Tỷ lệ vốn hoá chi phí lãi vay trong kỳ là: 0 %

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thành lập;
- Chi phí trước hoạt động/ chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm các chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Lỗi chênh lệch tỷ giá của giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

3. TIỀN	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Tiền mặt	583,312,304	607,229,147
Tiền gửi ngân hàng	18,435,752,588	16,223,889,790
Tiền đang chuyển	-	-
Tổng cộng	19,019,064,892	16,831,118,937

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn		-
Đầu tư ngắn hạn khác	91,202,999,000	12,745,978,880
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-
Tổng cộng	91,202,999,000	12,745,978,880

Ghi chú: Khoản đầu tư ngắn hạn khác tại thời điểm 31/12/2007 gồm: Tiền gửi có kỳ hạn dưới một năm là: 55.000.000.000 đ và các khoản cho vay ngắn hạn khác là: 36.202.999.000 đ.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
1. Phải thu về cổ phần hóa	-	-
2. Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
3. Phải thu người lao động	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
5. Phải thu khác	26,187,081,682	699,260,469
Tổng cộng	26,187,081,682	699,260,469

Ghi chú: Trong tổng số phải thu khác ngắn hạn tại thời điểm 31/12/2007 có khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần M&C số tiền 25.500.000.000 đ, về việc rút vốn góp xây dựng cao ốc Sài Gòn M&C.

6. HÀNG TỒN KHO	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	628,342,195
Nguyên liệu, vật liệu	17,997,935,111	19,525,146,274
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2,767,859,202	541,866,900
Thành phẩm	11,589,804,543	8,495,970,953
Hàng hóa	6,458,090,886	1,967,965,475
Hàng gửi đi bán	-	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
Tổng cộng	38,813,689,742	31,159,291,797

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản nợ phải trả: 0 VND.
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Không có

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Thuế GTGT		81,086,446
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu		-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1,808,343,363
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Thuế khác		3,000,000
Tổng cộng	-	1,892,429,809

8. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC	31/12/2006	01/01/2006
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
Cho vay không có lãi	-	-
Phải thu dài hạn khác	15,494,550,160	15,494,550,160
Tổng cộng	15,494,550,160	15,494,550,160

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	100,062,450	
Tạm ứng	963,732,852	1,839,911,000
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn khác	179,278,683	4,009,506,827
Tổng cộng	1,243,073,985	5,849,417,827

1(TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	TSCĐ khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
1. Số dư đầu năm	20,740,600,454	13,365,066,866	2,032,393,671	-	36,138,060,991
2. Số tăng trong kỳ	119,786,500	1,271,948,562	22,727,273	-	1,414,462,335
<i>Bao gồm:</i>					-
- Mua sắm mới	119,786,500	1,271,948,562	22,727,273	-	1,414,462,335
- Xây dựng mới	-	-	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	-	164,117,345	72,857,143	-	236,974,488
<i>Bao gồm:</i>					-
- Thanh lý	-	-	-	-	-
- Nhượng bán	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	164,117,345	72,857,143	-	236,974,488
4. Số dư cuối kỳ	20,860,386,954	14,472,898,083	1,982,263,801	-	37,315,548,838
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
1. Số dư đầu năm	18,565,033,664	11,471,495,400	1,270,683,014	-	31,307,212,078
2. Khấu hao trong kỳ	430,601,433	684,435,002	222,402,543	-	1,337,438,978
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<i>Gồm:</i>					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối kỳ	18,995,635,097	12,155,930,402	1,493,085,557	-	32,644,651,056
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH					
1. Tại ngày đầu năm	2,175,566,790	1,893,571,466	761,710,657	-	4,830,848,913
2. Tại ngày cuối kỳ	1,864,751,857	2,316,967,681	489,178,244	-	4,670,897,782

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 28.459.043.121 đ

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đ

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: 0 đ

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	-	39,415,000		39,415,000
2. Số tăng trong năm	-	378,328,527		378,328,527
<i>Bao gồm:</i>				
- Mua trong năm		378,328,527		378,328,527
3. Số giảm trong năm	-	-		-
4. Số dư cuối năm	-	417,743,527		417,743,527
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	-	25,181,803		25,181,803
2. Số tăng trong năm	-	94,398,264		94,398,264
3. Số giảm trong năm	-	-		-
<i>Bao gồm:</i>				
- Thanh lý nhượng bán				-
- Giảm khác				-
4. Số dư cuối năm	-	119,580,067		119,580,067
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	-	14,233,197		14,233,197
2. Tại ngày cuối năm	-	298,163,460		298,163,460
12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG				
		31/12/2007		01/01/2007
		VND		VND
Xây dựng cơ bản dở dang		-		326,815,073
-Công trình cải tạo trung tâm nghiên cứu & Phát triển		-		326,815,073
Tổng cộng		-		326,815,073

-

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết			
Tên công ty	Loại hình đầu tư	Số vốn đầu tư	Tỷ lệ vốn góp (%)
Công ty TNHH Sony Việt Nam	Liên doanh	1.500.000 USD	30%
Công ty TNHH JVC Việt Nam	Liên doanh	900.000 USD	30%

14. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu (*)	2,025,000,000	2,025,000,000
Đầu tư trái phiếu		
Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu		
Cho vay dài hạn		
Đầu tư dài hạn khác		26,000,000,000
Tổng cộng	2,025,000,000	28,025,000,000
(*) Đầu tư vào Công ty Cổ phần Công nghệ Việt (Vitek)		

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chi phí trả trước dài hạn về thuê hoạt động TSCĐ		-
Chi phí thành lập doanh nghiệp		
Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ vô hình		
Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh	5,580,588,220	740,058,973
Tổng cộng	5,580,588,220	740,058,973

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Vay ngắn hạn	51,257,370,514	63,818,436,255
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Tổng cộng	51,257,370,514	63,818,436,255

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt		-
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	260,510,223	90,136,367
Thuế thu nhập doanh nghiệp	37,573,464	-
Thuế thu nhập cá nhân	436,465,313	-
Thuế tài nguyên		
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
Các loại thuế khác		271,039,895
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		
Tổng cộng	734,549,000	361,176,262

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	-
Chi phí trong thời gian ngừng kinh doanh	-	-
Trích trước chi phí bảo hành, khuyến mãi	1,391,548,685	519,361,930
Tổng cộng	1,391,548,685	519,361,930

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Kinh phí công đoàn	28,771,650	-
Bảo hiểm xã hội	-	102,515,426
Bảo hiểm y tế	-	275,755
Phải trả về cổ phần hóa	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,992,781,890	1,790,878,691
Tổng cộng	3,021,553,540	1,893,669,872

20. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

	31/12/2007	01/01/2007
	VND	VND
Vay dài hạn nội bộ	-	-
Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	13,134,871,819
Tổng cộng	-	13,134,871,819

21. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	70,000,000,000	-	-	-	6,881,759,182	76,881,759,182
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	21,832,800,313	21,832,800,313
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	7,000,000,000	7,000,000,000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	440,500,000	440,500,000
Số dư cuối năm trước	70,000,000,000	-	-	-	21,274,059,495	91,274,059,495
Tăng vốn trong năm nay	40,053,450,000	69,306,398,800	-	-	-	109,359,848,800
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	24,167,303,581	24,167,303,581
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	8,400,000,000	8,400,000,000
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	1,091,639,750	1,091,639,750
Số dư cuối kỳ này	110,053,450,000	69,306,398,800	-	-	35,949,723,326	215,309,572,126
	-	-	-	-	-	-

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu					
	Cuối năm VND	%	Đầu năm VND	%	
Tổng Công ty Cổ phần điện tử và Tin học Việt Nam	61,620,000,000	55.99%	35,700,000,000	51%	
Vốn góp của các đối tượng khác	48,433,450,000	44.01%	34,300,000,000	49%	
Tổng cộng	110,053,450,000	100%	70,000,000,000	100%	- -

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận					
	Năm nay VND		Năm trước VND		
-Vốn đầu tư của chủ sở hữu					
Vốn góp đầu năm	70,000,000,000		70,000,000,000		
Vốn góp tăng trong năm	40,053,450,000		-		
Vốn góp giảm trong năm	-		-		
Vốn góp cuối năm	110,053,450,000	-	70,000,000,000	-	
-Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8,400,000,000		7,000,000,000		

d) Cổ tức		Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông:			22% / năm
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi:			

đ) Cổ phiếu		
	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,000,000	7,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11,005,345	7,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,005,345	7,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11,005,345	7,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	11,005,345	7,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty		Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		-	-
- Quỹ dự phòng tài chính		-	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp			

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Doanh thu bán hàng	517,317,324,701	382,426,944,566		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13,006,497,377		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-		
Tổng cộng	517,317,324,701	395,433,441,943	-	-

23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Chiết khấu thương mại	-	55,412,727		
Giảm giá hàng bán	-	3,765,000		
Hàng bán bị trả lại	4,993,539,658	840,018,072		
Thuế GTGT phải nộp (theo phương pháp trực tiếp)	-	-		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-		
Thuế xuất khẩu	-	-		
Tổng cộng	4,993,539,658	899,195,799	-	-

24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Doanh thu thuần bán sản phẩm, hàng hóa	512,323,785,043	381,527,748,767		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	13,006,497,377		
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-		
Tổng cộng	512,323,785,043	394,534,246,144	-	-

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Giá vốn của hàng hóa đã bán	76,177,537,500	64,446,574,174		
Giá vốn của thành phẩm đã bán	376,901,441,318	278,437,498,954		
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	-		
Tổng cộng	453,078,978,818	342,884,073,128	-	-

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1,939,589,973	3,624,876,293		
Chiết khấu thanh toán được hưởng	-	-		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2,501,100,000	6,620,100,000		
Lãi bán ngoại tệ	-	-		
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,353,091,166	293,567,413		
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	932,622		
Lãi bán hàng trả chậm	-	-		
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7,683,012,898	644,374,470		
Tổng cộng	14,476,794,037	11,183,850,798	-	-

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Lãi tiền vay	4,707,088,717	3,382,026,652		
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-		
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-		
Lỗ do bán ngoại tệ	-	-		
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	895,872,974	685,888,368		
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	1,001,481,367		
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	-		
Chi phí tài chính khác	11,838	16,873		
Tổng cộng	5,602,973,529	5,069,413,260	-	-

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND		
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5,515,698,074	-		
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-		
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5,515,698,074	-	-	-

Ghi chú: Theo nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ, Công ty được ưu đãi thuế như sau:

Được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (2005-2006) và được giảm 50% số thuế phải nộp cho 03 năm tiếp theo (2007-2009).

Riêng đối với hoạt động sản xuất máy vi tính được hưởng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trong 10 năm (2004-2013).

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	295,370,059,315	269,335,909,974
Chi phí nhân công	13,059,909,249	11,771,341,910
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,715,119,395	1,815,763,412
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4,929,686,020	21,358,520,637
Chi phí khác bằng tiền	31,144,291,826	9,843,253,479
Tổng cộng	346,219,065,805	314,124,789,412

30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2006 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Lập ngày 14 tháng 01 năm 2008

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc